

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17- 5- 2023

V/v: Ly hôn, giao con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Vượng

Ông Nguyễn Đình Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 257/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1980 (Có đơn yêu cầu vắng mặt); Địa chỉ: Tổ 02, ấp 02, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Tuyết L, sinh năm 1984 (Yêu cầu vắng mặt); Địa chỉ: Ấp Núi Gió, xã Tân Lợi, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ông T và bà L sau thời gian tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn

là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống trong cả cách sống và công việc, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đến năm 2013 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay không ai tâm gì đến ai, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thị Tuyết L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung Đỗ Ngọc Như Ý, sinh ngày: 08/7/2011, khi ly hôn ông T giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, vì từ khi vợ chồng ly thân con chung do bà L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Về hôn nhân: Bà L thống nhất như lời của ông T về thời gian chung sống, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, nên đến năm 2013 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên ông T làm đơn xin ly hôn thì bà L cũng đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung Đỗ Ngọc Như Ý, sinh ngày: 08/7/2011, khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, từ khi vợ chồng ly thân con chung do bà L nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; về nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Yên: Ghi nhận tự nguyện của các đương sự bà L và ông T thuận tình ly hôn; Về con chung: Giao con chung Đỗ Thị Tuyết L, sinh ngày: 08/7/2011 cho bà L nuôi dưỡng; Về tài sản chung, về nợ chung: Không có nên đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Thành T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đỗ Thị Tuyết L, cư trú tại ấp Núi Gió, xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Hớn Quản theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Ông T và bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà L.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T thấy rằng:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; Hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T, bà L xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong mọi vấn đề trong cuộc sống và công việc dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau, đến năm 2013 thì vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến ai. Xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T yêu cầu ly hôn và bà L đồng ý. Đây là sự tự nguyện của các bên nên cần ghi nhận.

[3] Về con chung: Ông T và bà L có 01 con chung Đỗ Ngọc Như Ý, sinh ngày: 08/7/2011, ông T và bà L thống nhất giao con chung cho bà L nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, cần ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử chưa xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T được ly hôn với bà Đỗ Thị Tuyết L (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2010 ngày 22/4/2010 của Ủy ban nhân dân xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai).

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Ngọc Như Ý, sinh ngày: 08/7/2011 cho bà Đỗ Thị Tuyết L nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí: Ông Nguyễn Thành T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0014153 ngày 06/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản
- Các đương sự
- Nơi ĐKKH
- CCTHADS huyện Hớn Quản
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Như; Phạm Quốc Vượng

Hồ Văn Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Điêu Kim Rương; Nguyễn Đình Như

Hồ Văn Thanh

